

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3310 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông  
thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 – 2029**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Đề án nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 419/BC-HĐTD ngày 17/9/2024 của Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2029 về Chương trình khuyến nông Chương trình Khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2029;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 150/TTr-SNN ngày 17/9/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2029 (kèm theo thuyết minh Chương trình chi tiết, các phụ lục).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, cùng Sở Tài chính căn cứ Chương trình được duyệt tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.



Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Hội: ND, LHPNTP;
- Các Sở: TC, KHCN, TTTT;
- UBND các quận, huyện;
- Công TTĐT TP;
- CPVP UBND TP;
- Lưu: VT, NN. *no*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Thọ**

**Phụ lục 1**  
**Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2029**  
*(Kèm theo Quyết định số: 3310/QĐ-UBND ngày 20/9 /2024*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Phần 1**  
**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG**  
**THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2019-2024**

**I. Kết quả đạt được**

Trong những năm qua (2019-2024), Thành phố luôn quan tâm đến phát triển nông nghiệp, đặc biệt là công tác Khuyến nông. Thông qua hoạt động Khuyến nông Thành phố đã xây dựng và thực hiện được nhiều mô hình trình diễn áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và bước đầu gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị mang lại hiệu quả cao tích cực, cụ thể như:

**1. Lĩnh vực trồng trọt**

**1.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện**

Thực hiện 16 mô hình (8.469,756 triệu đồng) cho 549 hộ dân, đạt 61,6% so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024. Các mô hình trồng trọt tập trung vào các đối tượng chủ lực ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao như sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, hệ thống thủy canh, đèn LED, ...). Các mô hình đều thực hiện theo chuỗi giá trị, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. Một số mô hình điển hình đạt kết quả cao như:

Mô hình Phát triển, cải tạo vùng nguyên liệu trồng na hàng hóa tập trung sản xuất theo quy trình VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm đạt năng suất 20.400 kg/ha, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Lợi nhuận 1.655.630.000 đồng/ha/năm. Mô hình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất hoa gắn với phát triển du lịch sinh thái theo chuỗi giá trị góp phần tăng thu nhập cho người dân cho năng suất 38.700 bông/ha, lợi nhuận thu được 170.210.000 đồng/ha/năm. Mô hình Ứng dụng công nghệ cao nhà màng, nhà lưới trong sản xuất dưa vàng tại Hải Phòng. Năng suất cao gấp 1,8 lần so với đại trà, đạt khoảng 42.800 kg/ha, lợi nhuận đem lại cho người dân 828.715.000 đồng/ha cao hơn so với đại trà 445.775.000 đồng. Mô hình ứng dụng công nghệ thủy canh trong sản xuất rau ăn lá an toàn. Năng suất 1,5 lần so với đại trà, đạt 43 tạ/1.000 m<sup>2</sup> lợi nhuận đạt 85.750.000 đồng/1.000 m<sup>2</sup> cao hơn so với đại trà 50.025.000 đồng....

**1.2. Khả năng nhân rộng mô hình**

Từ kết quả đạt được của các mô hình, các hộ nông dân tham gia mô hình vẫn đang duy trì và phát triển, mở rộng quy mô, diện tích. Hiệu quả của mô hình được quảng bá, giới thiệu trên truyền hình, trang web để nông dân trong thành phố có nhu

*070*

cầu biết đến học tập, làm theo. Đến nay đã nhân rộng trên toàn thành phố 15 -20% như: Diện tích các cây trồng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng chế phẩm sinh học ngày càng tăng, tập quán canh tác cũng đang dần thay đổi, tập trung chăm sóc cây trồng và cải tạo đất để sản xuất bền vững. Mô hình vùng sản xuất khoai tây hàng hóa tập trung gắn liên kết chuỗi tiêu thụ sản phẩm vụ Đông năm 2022 tại xã An Hòa triển khai quy mô 15ha, vụ sau nhân rộng lên thành 25ha tại địa phương; mô hình phát triển, cải tạo vùng nguyên liệu trồng na hàng hóa tập trung sản xuất theo quy trình VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm triển khai tại Liên Khê, Thủy Nguyên hiện đã nhân rộng sang một số xã Lại Xuân, An Sơn Thủy Nguyên.

### ***1.3. Một số nội dung chưa triển khai thực hiện***

- Ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất rau màu nhằm nâng cao hiệu quả lao động và tăng giá trị sản xuất cho người nông dân; ứng dụng tia laser san phẳng đồng ruộng; ứng dụng đóng bầu trong sản xuất cây giống.

- **Nguyên nhân:** do quy mô, diện tích sản xuất còn manh mún, chưa tập trung; chi phí đối ứng hộ dân lớn; chưa có chính sách chi áp dụng cho mô hình cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt.

## **2. Lĩnh vực chăn nuôi**

### ***2.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện:***

Thực hiện 14 mô hình (11.601,618 triệu đồng) cho 21 hộ dân chiếm hơn 50% so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024. Các mô hình chăn nuôi tập trung vào ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng công nghệ số (IoT); ứng dụng công nghệ sinh học; mô hình chăn nuôi an toàn đạt chứng nhận VietGAHP; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, giống mới; ứng dụng chăn nuôi giống cao sản chuyên thịt. Một số mô hình điển hình:

Mô hình ứng dụng công nghệ tự động hóa (công nghệ số) để nâng cao hiệu quả trong sản xuất và quản lý chăn nuôi gà sinh sản. Kết quả, qua quá trình đưa giải pháp ứng dụng công nghệ tự động hóa (công nghệ số) trong sản xuất và quản lý chăn nuôi gà sinh sản tại mô hình và qua theo dõi về sự sinh trưởng, phát triển cũng như hiệu quả kinh tế của đàn gà mô hình áp dụng giải pháp cho thấy đàn gà của mô hình được sống trong môi trường trong lành, thích hợp và ổn định, khả năng sinh trưởng phát triển rất tốt, góp phần nâng cao sức đề kháng và hiệu quả kinh tế cao, cụ thể: Độ đồng đều trong đàn cao, giảm tỷ lệ loại thải khi lên đẻ; tỷ lệ nuôi sống đến khi lên đẻ đạt 99,5%, cao hơn ngoài mô hình 5-7%; năng suất trứng/mái/năm đạt 310 quả; tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn đẻ 0,05%/tháng; giảm chi phí thuốc thú y từ 10-15% và hình thái vỏ trứng đẹp, giảm tỷ lệ dập vỡ. Kết thúc mô hình 5.000 con gà sinh sản mỗi tháng nuôi cho lãi 144.093.000 đồng, hiệu quả kinh tế tăng so với chăn nuôi ngoài mô hình 27.160.000 đồng/tháng, 1 lứa nuôi gà sinh sản giá trị làm lợi so với ngoài mô hình là 488.880.000 đồng.

Mô hình nuôi giống gia cầm mới (chim bồ câu Pháp) an toàn sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Kết quả các chỉ tiêu kỹ thuật dòng chim Mimas (Dự kiến): số chim non/đôi/năm: 14 - 15 con, số lứa đẻ/năm/đôi: 9 - 9,5 lứa; khối lượng cơ thể lúc 28 ngày tuổi 630 - 650g, khoảng cách giữa 2 lứa đẻ 37-40 ngày. Tỷ lệ nuôi sống chim non đạt 98%. Kết quả các chỉ tiêu kỹ thuật dòng chim Titan (Dự kiến): số chim non/đôi/năm: 10 - 11 con. Số lứa đẻ/năm/đôi: 7 - 8 lứa. Khối lượng cơ thể chim non lúc 28 ngày tuổi đạt 680 - 690g, khoảng cách giữa 2 lứa đẻ 37-40 ngày. Tỷ lệ nuôi sống đạt 98%. Chi phí thuốc thú y: 4,5 triệu (Giảm 62,5% so với quy trình cũ. Chất lượng sản phẩm thơm ngon, giảm ô nhiễm môi trường. Hiệu quả kinh tế khi nuôi 4800 đôi chim bồ câu khai thác trong 6 tháng thu lãi 925,260 triệu đồng tăng so với trước thực hiện giải pháp 329,100 triệu đồng. Hiệu quả kinh tế tăng 36%.

## **2.2. Khả năng nhân rộng**

Đến nay 100% mô hình triển khai đã nhân rộng trên toàn thành phố, tăng số lượng gia súc, gia cầm... từ 10-15%. Điển hình mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng đạt tiêu chuẩn VietGAHP, gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tại Tân Trào, Kiến Thụy được nhân rộng tại trang trại trên địa bàn thành phố như Tiên Lãng; Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm ứng dụng chế phẩm sinh học theo quy trình VietGAHP gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm hiện đã được áp dụng sang địa bàn Tiên Lãng, Kiến Thụy.

## **2.3. Một số nội dung chưa thực hiện được**

- Mô hình chăn nuôi ong; mô hình vỗ béo bò thịt.
- **Nguyên nhân:** ngân sách nhà nước chưa bố trí đủ nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

## **3. Lĩnh vực thủy sản**

### **3.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện**

Đã thực hiện 15 mô hình (13.339,259 triệu đồng) cho 27 hộ dân chiếm 63,5% so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024. Các mô hình nuôi trồng thủy sản tập trung các đối tượng chủ lực ứng dụng công nghệ cao như nuôi theo VietGAP, ứng dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng công nghệ sông trong ao, nuôi xen canh, nuôi theo hướng hữu cơ, ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ... Các mô hình đều thực hiện theo chuỗi giá trị, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. Một số mô hình điển hình đạt kết quả cao như:

Mô hình Nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn theo VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm đạt năng suất 26,6 tấn/ha, lợi nhuận 820 triệu đồng/ha. Mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn đạt tỷ lệ sống  $\geq 75\%$ , năng suất  $\geq 11$  tấn/ha lợi nhuận 1.000 triệu đồng/ha; tăng 35-50% so với mô hình truyền thống. Mô hình Ứng dụng công nghệ sông trong ao nuôi thâm canh cá lăng đạt tỷ lệ sống  $\geq 90\%$ , năng suất 54,67 tấn/ha (121 kg/m<sup>3</sup>), lợi nhuận thu được hơn 350 triệu đồng/ha. Mô hình Ứng dụng công nghệ sinh học ương nuôi cá chép Koi đã lựa chọn

*NY*

được 10 - 15% số cá có chất lượng cao, hình dáng chuẩn, màu sắc hài hòa, rõ nét, có giá trị kinh tế cao tương đương cá nhập khẩu. Hiệu quả kinh tế đưa lại trung bình hơn 1,2 tỉ đồng/ha cao hơn nhiều lần so với nuôi cá truyền thống hay nuôi cá cảnh thông thường. Mô hình Ứng dụng chế phẩm sinh học nuôi thâm canh cá rô đồng đầu vuông theo VietGAP đạt năng suất  $\geq 61,5$  tấn/ha. Lợi nhuận trên 300 triệu đồng/ha, tăng 30-35% so với mô hình truyền thống...

### **3.2. Khả năng nhân rộng**

Từ kết quả đạt được của các mô hình, đến nay đã được quảng bá, giới thiệu trên truyền hình, trang web để nông dân trong thành phố có nhu cầu biết đến học tập, làm theo. Đến nay cơ bản các mô hình triển khai đã nhân rộng trên toàn thành phố, tăng diện tích nuôi bán thâm canh 10-15% (mô hình tôm xen cua; cá rô phi nước lợ; các loài cá...), thâm canh, công nghệ sinh học...tăng 20-30% (các mô hình thâm canh sử dụng chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản...) để sản xuất an toàn, hiệu quả.

### **3.3. Một số nội dung chưa thực hiện**

- Chương trình phát triển khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm khai thác trên biển;
- Mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong nuôi trồng thủy sản chủ lực (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi đơn tính, cá vược...);
- Mô hình nuôi nhuyển thể thích ứng biến đổi khí hậu.
- **Nguyên nhân:** lĩnh vực khai thác do nguồn đối ứng lớn các chủ tàu khai thác chưa có khả năng đối ứng; mô hình cơ giới hóa trong nuôi trồng thủy sản chưa có chính sách hỗ trợ cho; mô hình nhuyển thể do Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện sắp xếp lại hoạt động nuôi nhuyển thể (ngao) trên biển theo các quy định của pháp luật.

## **4. Lĩnh vực Đào tạo, tập huấn**

Triển khai thực hiện được 80,79% (5.525 triệu đồng) so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024.

### **4.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện**

Tổ chức 25 lớp đào tạo, tập huấn TOT cho cán bộ KNV cơ sở và cộng tác khuyến nông với 750 người (trong đó cộng tác viên KN là 550 người, KNV 200 người); 150 lớp tập huấn chuyên sâu cho lao động nông thôn với 7.200 lượt người; 50 lớp nâng cao trình độ quản lý của cán bộ cơ sở về quy hoạch vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất an toàn, ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm với 2.500 người tham dự.

### **4.2. Một số nội dung chưa triển khai**

- Chưa triển khai 19,21% như: đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, thông tin khuyến nông, nông lịch, tuyên truyền trên Website, Xây dựng quản lý và vận hành trang nông sản Hải Phòng.

*007*

- **Nguyên nhân:** do Trung tâm Khuyến nông không có chức năng đào tạo và cấp phép Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

## **5. Lĩnh vực thông tin tuyên truyền**

### **5.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện**

Đã thực hiện được 59,79% (2.950 triệu đồng) so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024, tổ chức 05 đoàn khảo sát học tập các mô hình hiệu quả cao trong nước với 150 đại biểu tham dự; in ấn tờ rơi tờ gấp 50.000 tờ; thiết kế hỗ trợ treo 100 pano, biển hiệu tại các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm đặc trưng đặc thù; tổ chức 02 diễn đàn với 330 đại biểu tham dự; tổ chức 01 Hội chợ với 65 gian hàng tham gia.

### **5.2. Một số nội dung chưa thực hiện**

- Chưa thực hiện 40,21% như: xây dựng và vận hành trang nông sản Hải Phòng

- **Nguyên nhân:** do Trung tâm không có chức năng xây dựng và vận hành trang; thông tin khuyến nông, nông lịch, tuyên truyền trên Website (Đơn vị căn cứ vào nguồn kinh phí cân đối từ nguồn đặc thù).

## **6. Lĩnh vực Tư vấn và dịch vụ**

### **6.1. Các nội dung đã triển khai thực hiện**

Đã triển khai 10,58% (1.700 triệu đồng) so với Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2020-2024, tổ chức 20 cuộc tọa đàm với 2.100 đại biểu tham dự; xây dựng 04 văn phòng trưng bày, giới thiệu và liên kết tiêu thụ nông sản an toàn, sản phẩm OCOP thành phố Hải Phòng tại các huyện: Kiến Thụy, An Dương, Tiên Lãng và quận Kiến An.

### **6.2. Một số nội dung chưa triển khai thực hiện**

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu gắn với liên kết tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nông sản.

- **Nguyên nhân:** do chưa có cơ chế chính sách để áp dụng hỗ trợ.

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Thuận lợi**

Kết quả hoạt động khuyến nông của thành phố trong những năm qua góp phần nâng cao “nông trí” và chuyên nghiệp hóa người nông dân. Mọi hoạt động khuyến nông đều xoay quanh nông dân, đáp ứng nhu cầu của nông dân. Trong giai đoạn 2020-2024 về cơ bản các nội dung của chương trình khuyến nông đã được triển khai đảm bảo theo đúng mục tiêu, nội dung của chương trình đã đề ra. Các mô hình khuyến nông đã triển khai đều đúng định hướng, chỉ đạo của cấp trên, đúng đối tượng theo quy định, phù hợp với nhu cầu của người sản xuất. Đáp ứng với nhu cầu của thị trường hiện nay như sản xuất an toàn theo VietGAP, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ số.... Góp phần

*MT*

chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

## **2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế**

Công tác quy hoạch vùng tập trung còn ít, một số vùng quy hoạch chùng chéo, người dân không mạnh dạn đầu tư nên cơ sở hạ tầng không đáp ứng được các điều kiện để thực hiện các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật. Một số Quy hoạch bị thay đổi, tác động do các hoạt động kinh tế - xã hội khác như: Các dự án giao thông, xây dựng cảng biển, khu công nghiệp... dẫn đến diện tích sản xuất dần bị thu hẹp.

Công tác khuyến nông đã thành công về chuyên giao kỹ thuật; nhưng chưa chú trọng đến yếu tố kinh tế, thị trường; Đã xây dựng thành công những mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường, ... Tuy nhiên những liên kết này còn lỏng lẻo, hiệu quả chưa cao, chưa bền vững. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020-2024 chưa triển khai thực các mô hình sản giống nhân tạo cho các đối tượng chăn nuôi, thủy sản; chưa triển khai thực hiện các mô hình đồng bộ cơ giới hóa; chưa triển khai thực hiện các mô hình phát triển khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm khai thác trên biển...

Việc tổng kết, đánh giá hiệu quả chủ yếu tập trung tại hoạt động khuyến nông nhà nước, việc tổng kết đánh giá mô hình sản xuất hiệu quả do người dân tự triển khai thực hiện chưa nhiều.

Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông chưa đồng đều còn hạn chế, đặc biệt thiếu các kiến thức, kỹ năng quản lý, quản trị kinh doanh, thương mại điện tử, chuyên đổi số...

Bên cạnh đó, công tác khuyến nông cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trước sự biến đổi khí hậu, nước biển dâng, úng lụt, nhiệt độ quá cao; dịch bệnh tiềm ẩn bùng phát... Đồng thời những khó khăn trong và ngoài nước, xung đột vũ trang, dịch bệnh trên thế giới đang gây sự “đứt gãy” chuỗi cung ứng toàn cầu, giá thức ăn, thuốc thú y tăng cao, làm suy yếu tính liên kết bền vững trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

*01*



**Phần 2**  
**CHƯƠNG TRÌNH**  
**KHUYẾN NÔNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2029**

**I. Cơ sở pháp lý, mục tiêu, đối tượng và phạm vi thực hiện**

**1. Cơ sở pháp lý xây dựng Chương trình**

- Nghị Quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030;
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;
- Quyết định số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chương trình khuyến nông trung ương giai đoạn 2020 - 2025;
- Quyết định số 4081/QĐ-BNN ngày 26/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển hoa, cây cảnh trên địa bàn thành phố đến năm 2030;
- Quyết định số 460/QĐ-BNN-TCTS ngày 07/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện “Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030”;
- Quyết định số 4765/QĐ-BNN ngày 09/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030.
- Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố;
- Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 27/9/2023 của UBND thành phố về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;



- Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 09/11/2023 của UBND thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 106/NQCP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng;

- Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 30/6/2023 của UBND thành phố về phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 19/8/2024 của UBND thành phố về việc triển khai Đề án Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030 tại thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND thành phố về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND thành phố quy định về canh tác hữu cơ trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND thành phố ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 của UBND thành phố về việc quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030;

- Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND thành phố về phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 502/QĐ-UBND 22/02/2023 của UBND thành phố về việc phê duyệt đề án xác định vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND thành phố về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa trồng trọt tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu chung**

*000*

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng thu nhập, làm giàu, thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường.

- Phân đầu mở rộng các mô hình có áp dụng công nghệ cao vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị; các mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và cấp chứng nhận xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có năng suất, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, phòng chống có hiệu quả các loại dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; góp phần xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.2.1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo**

- Tổ chức 20-25 lớp về đào tạo tập huấn TOT cho 600 - 750 lượt người; cán bộ KNV; cộng tác viên khuyến nông, tổ KNCĐ... 400 lớp tập huấn chuyên sâu cho nông ngư dân với 20.000 lượt người (130 lớp lĩnh vực trồng trọt, 120 lớp chăn nuôi và 150 lớp lĩnh vực thủy sản; thị trường, công nghệ số, xây dựng thương hiệu sản phẩm...) và 40-45 lớp cho 1.200 -1.500 lượt người (thành viên HTX, trưởng thôn.

- Tổ chức 13-15 đoàn khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài

### **2.2.2. Thông tin tuyên truyền**

- Phát hành 10.000 cuốn nông lịch; Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình xây dựng 10-15 chuyên mục truyền hình; xây dựng 450-500 video clip

- Tổ chức 10 -15 cuộc diễn đàn @ khuyến nông; 1-2 Hội chợ, tham gia 3-5 Hội chợ, 1-2 Hội thi KNV (Thi KNV, Thi sản phẩm NN...)

### **2.2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình**

Xây dựng 125 - 150 mô hình, tập trung 3 lĩnh vực: trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản (trồng trọt thực hiện 50-70 mô hình; chăn nuôi thực hiện 40-60 mô hình; thủy sản thực hiện 30-50 mô hình).

### **2.2.4. Hợp tác quốc tế về khuyến nông**

- Tổ chức 03 -05 đoàn khảo sát học tập, trao đổi kinh nghiệm và tiếp nhận 2-3 công nghệ chuyển giao các mô hình, công nghệ mới ở nước ngoài

- Tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm.

### **3. Đối tượng**

- Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống Khuyến nông thành phố Hải Phòng; tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao, có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; tổ chức, cá nhân khác bao gồm: tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân khác có tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Người sản xuất: Nông dân, chủ trang trại, tổ viên viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**4. Phạm vi thực hiện:** Các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **II. Nội dung Chương trình khuyến nông**

### **1. Công tác thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn**

#### ***1.1. Thông tin, tuyên truyền***

- Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông.

- Phổ biến quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

- Thông tin, thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại.

- Xây dựng mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông để tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất

#### ***1.2. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo***

- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp,

kỹ năng khuyến nông, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật cho các đối tượng chuyên gia giao công nghệ (tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống tổ chức khuyến nông; tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp).

- Tập huấn về kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật, thị trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh cho nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên HTX, tổ liên kết, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, kỹ năng tổ chức, quản lý cho các chủ trang trại, gia trại, trường thôn, nông, ngư dân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản nắm được kiến thức, vận hành vào sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế.

## **2. Công tác xây dựng và nhân rộng mô hình**

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hóa... gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị.

- Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hướng hữu cơ, nông nghiệp thực hành tốt (VietGAP), nông nghiệp xanh gắn với du lịch sinh thái, đô thị thông minh, nông nghiệp dịch vụ.

- Ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi và phát triển rừng... trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi xây dựng các mô hình sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu.

## **3. Hợp tác quốc tế về khuyến nông**

- Trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao nhận thức, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua các chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài.

- Các chương trình hợp tác về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

*\* Danh mục các Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng thực*

**hiện giai đoạn 2025-2029:**

Danh mục các Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng thực hiện giai đoạn 2025-2029 bao gồm 3 nội dung: Thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn; Xây dựng và nhân rộng mô hình; Hợp tác quốc tế về khuyến nông

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

**III. Dự kiến nguồn kinh phí****1. Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: 174.550 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 100.000 triệu đồng (chiếm 57,29%);
- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác: 74.550 triệu đồng (chiếm 42,71%).

- Các nội dung chi, mức chi phục vụ hoạt động khuyến nông, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố.

**2. Phân kỳ dự kiến kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (ĐVT: triệu đồng)**

TT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng
		2025	2026	2027	2028	2029	
I	Kinh phí nguồn ngân sách Nhà nước	18.000	21.000	20.500	20.000	20.500	<b>100.000</b>
II	Nguồn kinh phí đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình khuyến nông	13.800	15.400	15.100	15.000	15.250	<b>74.550</b>
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>31.800</b>	<b>36.400</b>	<b>35.600</b>	<b>35.000</b>	<b>35.750</b>	<b>174.550</b>

- Hàng năm, Thành phố bố trí kinh phí ngân sách thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường.

**IV. Giải pháp trọng tâm****1. Công tác chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát**

- Các cấp, các ngành tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động khuyến nông, coi khuyến nông là một trong các giải pháp trọng tâm để thực hiện các chủ trương của Thành phố trong phát triển nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2025-2029, trước hết là hỗ trợ đắc lực trong việc thực hiện thành công chương trình

tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp và nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thành phố; quan tâm bố trí nguồn nhân lực, kinh phí và cơ sở vật chất cho công tác khuyến nông theo đúng quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện các cơ chế, chính sách của thành phố trong lĩnh vực khuyến nông; thực hiện rà soát, cập nhật, chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, mô hình sản xuất thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương để triển khai áp dụng trên diện rộng nhằm phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững, có hiệu quả về kinh tế và xã hội, tránh dàn trải, lãng phí và bảo vệ môi trường. Chủ động xây dựng Kế hoạch khuyến nông hàng năm phù hợp với thực tế để nâng cao hiệu quả của Chương trình, trong đó tập trung vào các nội dung mới có sức nhân rộng và tác động tích cực đến đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân; phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm... vào hoạt động khuyến nông để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất, thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Chương trình khuyến nông đảm bảo nguồn kinh phí khuyến nông được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật và Thành phố.

## **2. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền**

Giới thiệu các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Thành phố trong lĩnh vực khuyến nông; tích cực vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia xã hội hóa thực hiện Chương trình khuyến nông. Các cơ quan truyền thông của Thành phố (Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng...) phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến nông.

## **3. Giải pháp tích tụ ruộng đất**

Thực hiện công tác tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa của việc tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn; qua đó làm cho người dân tự thay đổi tâm lý giữ đất, dự phòng quỹ đất

Tiếp tục hoàn thiện và có cơ chế chính sách của thành phố đủ mạnh, tạo bước đột phá trong tích tụ đất đai để tổ chức lại sản xuất theo hướng lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

Tập trung đẩy mạnh chương trình xúc tiến kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến tìm hiểu, đầu tư xây dựng cơ sở và liên kết sản xuất sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

Khuyến khích, vận động các hộ nông dân hạn chế về năng lực và điều kiện sản xuất cho thuê, mượn, góp diện tích để cho các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tích tụ ruộng đất sản xuất tập trung

Xây dựng, nhân rộng mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất xây dựng cánh đồng lớn, vùng sản xuất chuyên canh tập trung gắn với phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

#### **4. Huy động tối đa các nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông**

- Tranh thủ các nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu, các đơn vị kỹ thuật trong ngành để tiếp nhận nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, vốn nghiên cứu khoa học và các nguồn vốn liên kết khác từ các Dự án, các doanh nghiệp nông nghiệp để tăng cường và đa dạng hóa, xã hội hóa công tác khuyến nông, đưa tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với các cơ quan Trung ương trong hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ các nguồn lực để đa dạng hóa các chương trình, mô hình khuyến nông.

Tích cực triển khai các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác khuyến nông, thông qua việc đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tinh thần, trách nhiệm trong công tác khuyến nông.

### **V. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì chỉ đạo triển khai Chương trình khuyến nông trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, xây dựng và phê duyệt kế hoạch Khuyến nông thực hiện hàng năm theo phân cấp;

- Theo dõi, đôn đốc các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, quận phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình; hàng năm tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **2. Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách thành phố hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; cấp kinh phí theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và tổng hợp quyết toán theo quy định.

#### **3. Sở Khoa học và Công nghệ**

Hướng dẫn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm; phối hợp cung cấp thông tin về các tiến bộ khoa học và công nghệ theo yêu cầu của các cơ



quan, đơn vị để triển khai thực hiện.

#### **4. Sở Công thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá sản phẩm, hàng hóa; tiếp cận thị trường trong nước, nước ngoài, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân sản xuất nông nghiệp và thủy sản tiếp cận tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

#### **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các chủ trương, chính sách Pháp luật của Nhà nước về tích tụ, chuyển đổi tích tụ ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản; thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển thuộc lĩnh vực thủy sản

#### **6. Sở Ngoại vụ**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn công tác hợp tác và hội nhập quốc tế của địa phương phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

#### **7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Hải Phòng:**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chương trình truyền thông, thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn; xây dựng và phát sóng các chuyên đề Nông nghiệp - Nông thôn theo Chương trình đã phê duyệt.

**8. Đề nghị Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố:** phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hội viên tham gia tích cực trong công tác khuyến nông và ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn.

**9. Các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, quận** căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nội dung Chương trình.

#### **10. Các doanh nghiệp**

Căn cứ Chương trình chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các dự án, mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất, bảo quản chế biến nông sản hàng hóa an toàn thực phẩm, liên kết tiêu thụ sản phẩm./.

-----

001

## Phụ lục 2

## Danh mục các Chương trình khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2029

(Kèm theo Quyết định số: 331/QĐ-UBND ngày 20 / 9 /2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Bảng 1: Kinh phí phân theo lĩnh vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Lĩnh vực	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)											
		2025		2026		2027		2028		2029		Tổng	
		NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ	NS	ĐƯ
1	Trồng trọt	4.000	3.500	4.800	4.000	4.600	4.000	4.700	4.000	4.500	4.050	22.600	19.550
2	Chăn nuôi	5.000	4.800	6.000	5.500	6.000	5.200	5.700	5.200	5.800	5.300	28.500	26.000
3	Thủy sản	6.000	5.500	7.100	5.900	7.000	5.900	6.800	5.800	7.600	5.900	34.500	29.000
4	Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo	2.000	0	2.200	0	2.100	0	1.800	0	1.800	0	9.900	0
5	Thông tin tuyên truyền	1.000	0	900	0	800	0	1.000	0	800	0	4.500	0
<b>Tổng cộng:</b>		<b>18.000</b>	<b>13.800</b>	<b>21.000</b>	<b>15.400</b>	<b>20.500</b>	<b>15.100</b>	<b>20.000</b>	<b>15.000</b>	<b>20.500</b>	<b>15.250</b>	<b>100.000</b>	<b>74.550</b>

**Bảng 2: Danh mục các Chương trình Khuyến nông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 – 2029**

TT	Tên chương trình	Mục tiêu	Quy mô	Các mô hình/nội dung	Dự kiến kết quả đạt được	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Kinh phí đối ứng (triệu đồng)
<b>I.</b>	<b>Đào tạo, huấn luyện và thông tin tuyên truyền khuyến nông</b>					<b>14.400</b>	<b>0</b>
1	Đào tạo huấn luyện	Tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, sơ chế, chế biến. Hướng dẫn các kỹ năng tổ chức sản xuất, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của nhà nước và của địa phương giúp tăng giá trị sản xuất nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm sản xuất.	20-25 lớp  130 lớp lĩnh vực trồng trọt và 120 lớp chăn nuôi và 150 lớp lĩnh vực Thủy sản	20-25 lớp (30 người/lớp; 4-5 ngày/lớp)  - Tập huấn về sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, VietGAP; VietGAHP sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu... trong các lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, sản xuất giống, sơ chế chế biến bảo quản nông, thủy sản.	Đào tạo, tập huấn TOT cho cán bộ KNV và cộng tác viên KN, tổ KNCĐ  Tổ chức tập huấn thành công 400 - 420 lớp cho 20.000-22.000 học viên là các tổ chức, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp, nông ngư dân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản nắm được kiến thức, vận hành vào sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế.	1.000  7.000	0  0

				- Tập huấn về maketting thị trường, công nghệ số, xây dựng nhãn mác thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, kỹ năng tư vấn bán hàng...			
			40 - 45lớp	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX, trưởng thôn	900-1.000 người được tập huấn tuyên truyền nâng cao năng lực, trình độ quản lý cơ sở	650	0
2	Khảo sát học tập, trao đổi kinh nghiệm mô hình nông nghiệp	Khảo sát học tập các mô hình hiệu quả cao trong nước và nước ngoài	10 đoàn	Khảo sát học tập, trao đổi kinh nghiệm các mô hình hiệu quả tại các tỉnh phía Bắc, Trung, Nam	300-400 người được đi khảo sát học tập mô hình có hiệu quả tại các tỉnh phía Bắc – Trung - Nam có thể ứng dụng tại hải Phòng nâng cao hiệu quả sản xuất cho nông dân	500	0
			03-05 đoàn, tiếp nhận 2-3 công nghệ	Khảo sát học tập, trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận chuyển giao các mô hình, công nghệ mới ở nước ngoài	10-20 cán bộ chủ chốt được đi khảo sát học tập các mô hình, công nghệ mới phù hợp tại Hải Phòng	750	0
3	Thông tin tuyên truyền	Tuyên truyền bám sát các chủ trương, định hướng phát triển	10.000 Cuốn	Nông lịch	Xuất bản 10.000 cuốn	700	

		của ngành và của thành phố để giúp người dân nâng cao nhận thức, góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới... Nội dung chủ yếu là xây dựng các video clip; thông tin khuyến nông, tờ rơi tờ gấp, tổ chức các diễn đàn, hội thi ,hội nghị XTTM, tọa đàm giới thiệu, quảng bá các hoạt động khuyến nông để người dân biết và áp dụng.	10-15 phóng sự, chuyên mục truyền hình	Phóng sự, chuyên mục truyền hình	Tuyên truyền trên đài phát thanh truyền hình về các mô hình hiệu quả, quy trình kỹ thuật, cách làm hay...	300	0
			450-500 Video clip	Video clip	Tuyên truyền trên trang WEB của KNQG, KNHP, Sở Nông nghiệp &PTNT, mạng xã hội... về các mô hình hay, tấm gương tiêu biểu, quy trình kỹ thuật ...	500	
			Tổ chức 1-2 Hội chợ, tham gia 3-5 Hội chợ, tổ chức 1-2 cuộc thi (thi KNV, thi sản phẩm nông nghiệp...)	Hội chợ quảng bá, XTTM các sản phẩm OCOP, nông sản đặc trưng của Hải Phòng và các tỉnh, thành phố, (Thi KNV, Thi sản phẩm NN...)	Tổ chức 1-2 Hội chợ; quy mô 70- 100 gian hàng/hội chợ; 3-5 hội thi quy mô 500-800 người tham gia	2.500	0
			Tổ chức 10- 15 cuộc diễn đàn @	Diễn đàn @ khuyến nông và tọa đàm tư vấn sản xuất, triển khai các giải pháp ổn định phát triển chuỗi liên	- Diễn đàn @ khuyến nông 1.500-2.000 người được tham gia các cuộc diễn đàn để trao đổi, thảo luận các cơ chế chính sách,	1.000	0

			khuyến nông	kết trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Tur vấn xây dựng các phương án sản xuất, tích tụ ruộng đất, phương án kinh doanh, giải pháp kỹ thuật...	chủ trương của nhà nước, các giải pháp kỹ thuật, giải đáp khó khăn vướng mắc của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp.		
II	<b>Xây dựng và nhân rộng mô hình</b>					<b>85.600</b>	<b>74.550</b>
1	<b>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, tự động hóa... gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị</b>					<b>42.700</b>	<b>36.950</b>
1.1	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>					<b>10.200</b>	<b>8.150</b>
1.1.1	Xây dựng và phát triển mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất lúa, rau màu, hoa, cây ăn quả, nấm ăn và nấm dược liệu theo chuỗi giá trị	- Ứng dụng công nghệ về giống, nguyên liệu, công nghệ sản xuất, phân bón, chế phẩm sinh học, hệ thống tưới, nhà lạnh, hệ thống điều khiển, thiết bị bay không người lái, thiết bị dẫn đường, nhà lưới, nhà màng, màng phủ, ... vào sản xuất lúa, rau màu, hoa, cây ăn quả, nấm ăn và nấm dược liệu để nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân.	150 -200 ha và 200 tấn nguyên liệu	- Mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học (giống, chế phẩm sinh học, phân bón, hệ thống nhà lưới, nhà màng, hệ thống điều khiển, thiết bị bay không người lái, thiết bị dẫn đường, màng phủ nông nghiệp, ...) trong sản xuất lúa, rau màu, hoa, cây ăn quả. - Mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số (giống mới, công nghệ sản	Xây dựng trên 10-15 mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất rau, lúa, hoa, cây ăn quả. Quy mô: 100-150ha. - Xây dựng trên 10-15 mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất lúa, rau màu, hoa, cây ăn quả, nấm ăn và nấm dược liệu theo chuỗi giá trị. - Tập huấn trên 1.200 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.	3.500	2.650

		- Tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; Giảm thiểu ô nhiễm môi trường.		xuất, hệ thống điều khiển nhiệt độ, ánh sáng, nguyên liệu,...) trong sản xuất một số loài nấm ăn và nấm dược liệu.	- Xây dựng trên 10-15 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. - Nhân rộng trên 1.000 ha sản xuất lúa, rau, hoa và 500 tấn nguyên liệu nấm. - Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%. - Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng... cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.		
1.1.2	Xây dựng và phát triển mô hình trồng sản xuất hàng hóa tập trung (lúa, rau màu,...) liên kết theo chuỗi giá trị	Xây dựng và phát triển mô hình trồng sản xuất hàng hóa tập trung (lúa, rau màu,...) liên kết theo chuỗi giá trị tạo sản phẩm an toàn.	30-50ha	Xây dựng và phát triển mô hình trồng sản xuất hàng hóa tập trung (lúa, rau màu,...) liên kết theo chuỗi giá trị tạo sản phẩm an toàn.	Xây dựng trên 5-7 mô hình trồng sản xuất hàng hóa tập trung (lúa, rau màu,...) liên kết theo chuỗi giá trị tạo sản phẩm an toàn. - Tập huấn trên 1.000 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới. - Xây dựng trên 5-7 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...	1.200	1.000

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân rộng trên 500-1000 ha sản xuất lúa, rau màu, liên kết tiêu thụ sản phẩm xử lý sau thu hoạch và 1.500 tấn chất thải.</li> <li>- Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%.</li> </ul>		
1.1.3	Xây dựng cánh đồng công nghệ trong sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính, gắn với tăng trưởng xanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng các giải pháp về giống, phân bón:</li> <li>+ Giống lúa chống chịu tốt với sâu, bệnh hại và cho năng suất, chất lượng tốt (hạt giống lúa chất lượng cao.</li> <li>+ Phân bón hữu cơ vi sinh (sinh học): tăng cường cải tạo, giảm phân bón hóa học, nâng cao tính chống chịu điều kiện bất thuận cho cây lúa nâng cao năng suất, chất lượng cho hạt gạo.</li> <li>- Ứng dụng cơ giới hóa thông minh trong sản xuất lúa:</li> <li>+Thiết bị San phẳng mặt ruộng kỹ thuật số GIC100 (sai số <math>\pm 2</math>cm).</li> <li>+ Máy bay nông nghiệp (G600; G500pro) gieo giống,</li> </ul>	250 -300 ha	Mô hình cánh đồng công nghệ (giống, phân bón hữu cơ vi sinh, sinh học, cơ giới hóa thông minh) góp phần giảm chi phí SX xanh, bảo vệ môi trường, tăng lợi nhuận/đơn vị diện tích gieo trồng. Thúc đẩy nền kinh tế phát triển.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được 10 -15 mô hình (tối thiểu 10ha/MH) cánh đồng công nghệ (giống, phân bón hữu cơ vi sinh, sinh học, cơ giới hóa thông minh) nhằm:</li> <li>Giảm các vật tư đầu vào (phân bón, thuốc BVTV, giống, nước...).</li> <li>Giảm nhân công, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm đất.</li> <li>Quản lý data dữ liệu, hành trình lịch sử làm việc.</li> <li>Độ chính xác cao, chính xác từng centimet.</li> <li>Khỏe cho người sử dụng vận hành các thiết bị.</li> <li>- Tập huấn trên 500 đại điền, nông dân có diện tích lớn trong</li> </ul>	5.500	4.500



		<p>rải phân bón &amp; phun thuốc BVTV.</p> <p>+ Thiết bị dẫn đường tự động NX510 gắn trên máy nông nghiệp mặt đất (máy cày, bừa, máy cấy, máy gặt)</p> <p>+ CORS giải pháp sóng RTK chất lượng cao chính xác từng centimet.</p>			<p>sản xuất nông nghiệp về ứng dụng các TBKT, công nghệ trong sản xuất.</p> <p>- Xây dựng 10 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</p>		
<b>1.2</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>					<b>12.000</b>	<b>11.300</b>
1.2.1	<p>Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng tự động hóa, áp dụng công nghệ số</p>	<p>- Ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, công nghệ số vào chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt).</p> <p>- Giảm chi phí lao động, quản lý dịch bệnh cho đàn vật nuôi.</p>	<p>1000-1500 con lợn; 20.000-30.00 con gà; 20.000-30.00 con vịt</p>	<p>Mô hình sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng tự động hóa; điều khiển từ xa</p>	<p>- Xây dựng thành công 8-12 mô hình chăn nuôi lợn, gà, ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, công nghệ số trên địa bàn thành phố.</p> <p>- Tập huấn cho trên 500 người được tiếp cận với công nghệ chăn nuôi.</p> <p>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng... cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>- Hiệu quả kinh tế tăng từ 10-20%.</p> <p>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</p>	3.000	3.500

1.2.2	Xây dựng và phát triển chăn nuôi bò chuyên thịt và sinh sản theo nâng cao giá trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng một số giống bò cao sản vào chăn nuôi tại Hải Phòng.</li> <li>- Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường chăn nuôi bằng công nghệ sinh học.</li> </ul>	200-300 con bò thịt và sinh sản	Xây dựng và phát triển chăn nuôi bò chuyên thịt và sinh sản theo nâng cao giá trị; chăn nuôi bò ứng dụng đệm lót sinh học trong xử lý môi trường; vỗ béo trâu, bò bằng phương pháp ứng dụng công nghệ sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 4-6 mô hình chăn nuôi bò cao sản chuyên thịt; chăn nuôi bò ứng dụng đệm lót sinh học trong xử lý môi trường.</li> <li>- Tập huấn cho hơn 300 người tiếp cận kỹ thuật chăn nuôi.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng...cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả kinh tế tăng 15-20%.</li> <li>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</li> </ul>	2.000	1.800
1.2.3	Xây dựng và phát triển mô chuỗi sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm thảo dược, dược liệu, acid hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng một số thảo dược, dược liệu, acid hữu cơ vào chăn nuôi gia súc, gia cầm để hạn chế việc sử dụng kháng sinh; tăng chất lượng sản phẩm thịt, trứng gia súc, gia cầm.</li> <li>- Tổ chức mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.</li> </ul>	1.000-1.500 con lợn; 15.000 - 20.000 gà thịt; 10.000 -15.000 gà trứng; 10.000-15.000 vịt trứng	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gà, vịt, lợn sử dụng thảo dược, dược liệu, acid hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 5-7 mô hình lợn, gà thịt, gà trứng, vịt trứng.</li> <li>- Tập huấn cho hơn 400 người tiếp cận kỹ thuật chăn nuôi.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng...cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả kinh tế tăng 15-20%.</li> <li>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</li> </ul>	2.500	2.000

1.2.4	<p>Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm sử dụng tiết kiệm năng lượng</p>	<p>- Ứng dụng năng lượng tái tạo trong việc sử dụng năng lượng chiếu sáng, điều hòa, phát điện - Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng điện phục vụ cho sản xuất chăn nuôi</p>	<p>1.500-2.000 lợn; 20.000-30.000 con gà</p>	<p>Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn, gà sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo để phục vụ sản xuất, giảm chi phí cho sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 5-7 mô hình chăn nuôi lợn, mô hình chăn nuôi gia cầm sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng.</li> <li>- Tập huấn cho hơn 300 người tiếp cận kỹ thuật chăn nuôi.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng...cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả tăng 15-20%.</li> <li>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</li> </ul>	2.000	2.000
1.2.5	<p>Xây dựng mô hình ứng dụng xử lý chất thải chăn nuôi chế biến thành phân bón hữu cơ</p>	<p>Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải; ứng dụng các thiết bị tách ép, đóng gói thành phân bón hữu cơ bảo vệ môi trường sinh thái</p>	<p>30.000-40.000 tấn chất thải</p>	<p>Xây dựng mô hình xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn, gà, bò, vịt...thành phân bón hữu cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 4-6 mô hình xử lý chất thải.</li> <li>- Tập huấn cho hơn 200 hộ dân tiếp cận kỹ thuật.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng...cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả kinh tế tăng 15-20%.</li> <li>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</li> </ul>	2.500	2.000

*110*

1.3	Lĩnh vực Thủy sản				20.500	17.500
1.3.1	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợi gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị</p>	<p>Phát triển nuôi trồng thủy sản các đối tượng nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giảm ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, có hiệu quả, sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững; trở thành ngành sản xuất chủ lực cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đồng thời tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển, đảo của Tổ quốc.</p>	<p>100 -120ha và 3.000 – 6.000m<sup>3</sup> lồng bè</p>	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học...phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, lợi: cá biển; nhuyễn thể, giáp xác... có giá trị kinh tế cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình phát triển nuôi cá lồng, bè trên biển, đảo (cá song, cá giò, cá chim vây vàng, cá diá, cá tráp, cá hồng, cá sù sao, cá vược...).</li> <li>- Mô hình phát triển nuôi các đối tượng giáp xác (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, tôm hùm, tôm tít..., cua biển, bẹ bẹ, gẹ...).</li> <li>- Mô hình phát triển nuôi các đối tượng nhuyễn thể (tu hài, các loài ốc, các loài ngao, các loài hàu, mực, các loài sò, bào ngư...).</li> </ul>	<p>Xây dựng thành công hơn 15-20 mô hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn hơn 3.000 lượt người dân về tiến bộ kỹ thuật và ứng dụng nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... trong sản xuất thủy sản nước mặn, lợi.</li> <li>- Nhân rộng trên 500 ha mặt nước và trên 10.000 m<sup>3</sup> lồng.</li> <li>- Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng...cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất <math>\geq 20\%</math>.</li> </ul>	<p>10.000</p> <p>8.500</p>

				- Mô hình phát triển nuôi cá (cá song, cá chim vây vàng, cá diá, cá tráp, cá hồng, cá sủi sao, cá vược, cá đoi, cá hói...) trong ao đầm nước mặn, lợ.			
1.3.2	Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... vào nuôi trồng thủy sản nước ngọt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích nuôi.</li> <li>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn thực phẩm đảm bảo tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</li> </ul>	20-30ha và 2.000-5.000m <sup>3</sup> lồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước ngọt: tôm nước ngọt; cá truyền thống; cá đặc sản; các đối tượng nội đồng... có giá trị kinh tế cao trong ao đầm và trong lồng bè trên sông:</li> <li>- Mô hình nuôi tôm nước ngọt (tôm càng xanh, tôm càng, tép...)</li> <li>- Mô hình nuôi cá truyền thống (Trắm, chép, rô phi, diêu hồng, trê, rô đồng...)</li> <li>- Mô hình nuôi các đối tượng đặc sản (cá lăng, ba</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công hơn 15-20 mô hình.</li> <li>- Tập huấn hơn 1.500 lượt người dân về tiến bộ kỹ thuật và ứng dụng nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... trong sản xuất thủy sản nước ngọt</li> <li>- Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước</li> <li>- Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.</li> <li>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng... cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình <math>\geq 15\%</math>.</li> </ul>	4.000	3.000

				<p>ba, cá tầm, cá đối, nheo, vược...)</p> <p>- Mô hình nuôi các đối tượng nội đồng (rươi, lươn, ốc, ếch, chạch ...)</p>			
1.3.3	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... sinh sản nhân tạo, ương dưỡng giống thủy sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị</p>	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... vào sinh sản nhân tạo, ương dưỡng giống thủy sản nhằm đáp ứng số lượng và chất lượng con giống đảm bảo chất lượng, hiệu quả cho người nuôi.</p>	<p>5-10 trại và 8-12ha</p>	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... vào sinh sản nhân tạo, ương dưỡng giống thủy sản nước mặn, lợ, ngọt:</p> <p>- Mô hình sinh sản nhân tạo và ương nuôi các đối tượng nuôi nước mặn, lợ (các loài cá biển, tôm, cua, hàu, hà, ốc, tu hài...)</p> <p>- Mô hình sinh sản nhân tạo và ương dưỡng các đối tượng nuôi nước ngọt (cá tầm, các loài cá truyền thống; các loài đặc sản; các loài nội đồng, các loài tôm nước ngọt...)</p>	<p>- Xây dựng thành công 5-10 mô hình, sản xuất và ương dưỡng trên 50 triệu con giống.</p> <p>- Tập huấn hơn 1.000 lượt người dân về tiến bộ kỹ thuật và ứng dụng nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học... trong sản xuất nhân tạo và ương dưỡng giống nước mặn, lợ và ngọt.</p> <p>- Nhân rộng trên 20 trại sản xuất giống và 30ha.</p> <p>- Tạo ra con giống có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cho người nuôi trồng thủy sản trong và ngoài thành phố.</p> <p>- Liên kết với các doanh nghiệp, nhà hàng, chuỗi cửa hàng... cung cấp, tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>- Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất <math>\geq 20\%</math>.</p>	4.000	3.500

900

				- Mô hình ương dưỡng các đối tượng nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ, ngọt...				
1.3.4	Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số... trên tàu khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm khai thác trên biển	<p>Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số... trên các tàu khai thác hải sản xa bờ nhằm kiểm soát, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế trên các tàu khai thác xa bờ.</p> <p>Tăng tối đa chất lượng sản phẩm thủy sản sau khai thác, đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</p>	5-10 tàu	<p>- Xây dựng mô hình hỗ trợ trang bị cơ giới hóa trên tàu khai thác (máy tời thủy lực, rada hàng hải, máy định vị vệ tinh GPS, dò cá ngang; thiết bị hầm bảo quản sản phẩm thủy sản bằng vật liệu Polime Unithane (PU)...</p> <p>- Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm... tập huấn cho 1.000 lượt ngư dân.</p>	<p>- Xây dựng trên 5-10 mô hình, quy mô 10-25 tàu; 10 hầm. Nhân rộng trên 100 tàu.</p> <p>- Tiết kiệm chi phí sản xuất và nhiên liệu phục vụ sản xuất trên từ 10-12%;</p> <p>- Tăng giá trị và thu nhập lên từ <math>\geq 15\%</math> do tăng phẩm cấp chất lượng sản phẩm.</p>	2.500	2.500	
2	<b>Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp hướng hữu cơ, nông nghiệp thực hành tốt (VietGAP), nông nghiệp xanh gắn với du lịch sinh thái, đô thị thông minh, nông nghiệp dịch vụ.</b>						<b>24.000</b>	<b>22.200</b>
2.1	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>						<b>8.500</b>	<b>8.300</b>
2.1.1	Xây dựng và phát triển mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái ứng	- Ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy canh, hệ thống khí canh, hệ thống tưới, nhà lưới, nhà màng, ...vào sản xuất rau màu, hoa phù hợp với nông	5-10 ha	- Ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy canh, hệ thống khí canh, hệ thống tưới, nhà lưới, nhà màng, ...vào sản xuất rau màu	Xây dựng 3-5 mô hình ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy canh, hệ thống khí canh, hệ thống tưới, nhà lưới, nhà màng, ...vào sản xuất rau màu phù hợp	1.500	2.000	

	<p>dụng công nghệ cao sản xuất nông sản an toàn thực phẩm chất lượng liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p>	<p>ngành đô thị sinh thái để tạo ra nông sản an toàn, có chất lượng tốt, liên kết tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho nông dân.</p> <p>- Tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ cho tiêu dùng trong thành phố và các tỉnh lân cận; Giảm thiểu ô nhiễm môi trường.</p>		<p>phù hợp với nông nghiệp đô thị sinh thái.</p> <p>- Ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy canh, hệ thống khí canh, hệ thống tưới, nhà lưới, nhà màng, ... vào sản xuất hoa phù hợp với nông nghiệp đô thị sinh thái.</p>	<p>với nông nghiệp đô thị sinh thái.</p> <p>Quy mô: 1ha.</p> <p>Xây dựng trên 3-5 mô hình ứng dụng công nghệ cao (hệ thống thủy canh, hệ thống khí canh, hệ thống tưới, nhà lưới, nhà màng, ... vào sản xuất rau màu phù hợp với nông nghiệp đô thị sinh thái.</p> <p>Quy mô: 1ha.</p> <p>- Tập huấn trên 500 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</p> <p>- Xây dựng trên 10 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</p> <p>- Nhân rộng trên 50 ha sản xuất rau, hoa phù hợp với nông nghiệp đô thị sinh thái.</p> <p>- Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ liên kết tiêu thụ sản phẩm; tạo môi trường đô thị sinh thái trong lành. Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%.</p>		
--	--	---	--	--	---	--	--



2.1.2	<p>Xây dựng và phát triển mô hình cải tạo và phát triển vùng nguyên liệu (rau màu, cây ăn quả) tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về (giống cây trồng mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, phân bón, chế phẩm sinh học, ... để cải tạo, duy trì, phát triển năng suất, chất lượng các cây trồng hàng hóa có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.</li> <li>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn thực phẩm đảm bảo tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tổ chức thăm quan, học tập nhân rộng, phát triển các mô hình.</li> </ul>	80-120 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các mô hình sản xuất rau củ quả theo VietGAP, hữu cơ,.. gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm;</li> <li>- Phát triển, cải tạo vùng trồng cây ăn quả theo hướng tập trung an toàn sản xuất nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng 6-8 mô hình tạo ra các vùng sản xuất rau màu, cây ăn quả chất lượng cao làm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến và hướng tới xuất khẩu.</li> <li>- Tăng thu nhập so với sản xuất đại trà từ 10- 15%.</li> <li>- Liên kết ký hợp đồng tiêu thụ cho sản phẩm.</li> <li>- Xây dựng các chuỗi sản phẩm gắn truy xuất nguồn gốc</li> <li>- Tập huấn trên 800 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</li> <li>- Xây dựng trên 6-8 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</li> <li>- Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</li> </ul>	2.500	2.250
2.1.3	<p>Xây dựng và phát triển mô</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về (giống cây trồng mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến,</li> </ul>	50 -100 ha	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các mô hình sản xuất tập trung (lúa, rau màu, cây ăn quả) hữu cơ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công trên 6-8 mô hình phát triển vùng sản xuất</li> </ul>	1.500	1.250

	<p>hình phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ (lúa, rau màu, cây ăn quả) tập trung gắn liền kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</p>	<p>phân bón, chế phẩm sinh học, ... để hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ (lúa, rau màu, cây ăn quả) tập trung có năng suất, chất lượng cao và liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.</p> <p>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm hữu cơ đảm bảo tiêu chuẩn có truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</p>		<p>gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị;</p>	<p>nông nghiệp hữu cơ (lúa, rau màu, cây ăn quả) tập trung gắn liền kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng thu nhập so với sản xuất đại trà từ 10- 15%.</li> <li>- Liên kết ký hợp đồng tiêu thụ cho sản phẩm.</li> <li>- Tập huấn trên 300 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</li> <li>- Xây dựng trên 6-8 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</li> <li>- Tạo ra sản phẩm hữu cơ có truy xuất nguồn gốc phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.</li> </ul>		
2.1.4	<p>Xây dựng và phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn</p>	<p>- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về (giống cây trồng mới, kỹ thuật canh tác tiên tiến, phân bón, chế phẩm sinh học, ... để hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tuần hoàn (trồng trọt, chăn</p>	50-100 ha	<p>- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) có năng suất, chất lượng cao kết hợp với du lịch trải nghiệm đồng</p>	<p>- Xây dựng thành công trên 5-10 mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) có năng suất, chất lượng cao kết hợp với du lịch trải nghiệm đồng quê, phát triển nông nghiệp bền vững;</p>	3.000	2.800

		<p>nuôi, thủy sản) có năng suất, chất lượng cao kết hợp với du lịch trải nghiệm đồng quê, phát triển nông nghiệp bền vững.</p> <p>- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn phục vụ tiêu dùng tại chỗ và tiểu vùng lân cận.</p>		<p>quê, phát triển nông nghiệp bền vững;</p>	<p>- Tăng thu nhập so với sản xuất đại trà từ 10- 15%.</p> <p>- Tập huấn trên 300 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</p> <p>- Xây dựng trên 5 -10 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...</p> <p>- Tạo ra sản phẩm an toàn phục vụ tiêu dùng tại chỗ và tiểu vùng lân cận. Kết hợp sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch sinh thái đồng quê.</p>		
<b>2.2</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>					<b>7.000</b>	<b>6.400</b>
2.2.1	<p>Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt tiêu chuẩn</p>	<p>Hình thành và phát triển mô hình chuỗi sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt tiêu chuẩn VietGAHP, hướng hữu cơ, đạt tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn thành phố</p>	<p>1.500-2.000 con lợn; 40.000 - 50.000 con gà; 15.000-20.000 con vịt</p>	<p>- Xây dựng mô hình sản xuất chăn nuôi gà, vịt, lợn đạt tiêu chuẩn VietGAHP.</p> <p>- Xây dựng mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ</p>	<p>- Xây dựng thành công 4-6 mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt tiêu chuẩn VietGAHP.</p> <p>- Xây dựng thành công 4-6 mô hình chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ.</p> <p>- Tổ chức tập huấn cho hơn 500 người tiếp cận kỹ thuật.</p> <p>- Hiệu quả tăng 15-20%.</p>	2.000	1.800

	VietGAHP, hướng hữu cơ				- Khả năng nhân rộng mô hình >15%.		
2.2.2	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm từ sản xuất đến giết mổ sơ chế đóng gói sản phẩm, liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc	Hình thành và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm từ sản xuất đến giết mổ sơ chế đóng gói sản phẩm, liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc	1.500 - 2.000 con lợn; 25.000-30.000 con gà	- Xây dựng mô hình từ chăn nuôi lợn đến giết mổ, sơ chế đóng gói sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. - Xây dựng mô hình chăn nuôi gà từ sản xuất đến giết mổ, đóng gói sản phẩm và truy xuất nguồn gốc.	- Xây dựng thành công 4-6 mô hình chăn nuôi lợn, gà từ sản xuất, giết mổ, sơ chế đóng gói sản phẩm và truy xuất nguồn gốc. - Tổ chức tập huấn cho hơn 400 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%. - Khả năng nhân rộng mô hình >15%.	2.000	2.300
2.2.3	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi ong đạt tiêu chuẩn VietGAHP, liên kết tiêu thụ sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc	Hình thành và phát triển mô hình chăn nuôi ong đạt tiêu chuẩn VietGAHP, liên kết tiêu thụ sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc	1.000-1.500 đàn ong	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi ong đạt tiêu chuẩn VietGAHP, liên kết tiêu thụ sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc	- Xây dựng thành công 2-3 mô hình chăn nuôi ong đạt tiêu chuẩn VietGAHP, liên kết tiêu thụ sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc. - Tổ chức tập huấn cho hơn 150 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%. - Khả năng nhân rộng mô hình >15%.	1.000	800

2.2.4	<p>Xây dựng và phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn (chăn nuôi tuần hoàn) an toàn</p>	<p>- Hình thành và phát triển mô hình nông nghiệp tuần hoàn (chăn nuôi tuần hoàn) an toàn. - Nhằm bảo vệ môi trường trong việc xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất đối tượng khác.</p>	<p>300-400 con bò; 3.000-5.000 con thỏ; 20-30 ha cỏ; 10.000-20.000 con gà; 2.400-3.000kg sinh khối</p>	<p>- Xây dựng mô hình chăn nuôi tuần hoàn (bò, trồng cỏ, nuôi giun quế, nuôi gà...) - Xây dựng mô hình chăn nuôi tuần hoàn (thỏ, nuôi giun quế, trồng cỏ, nuôi gà...)</p>	<p>- Xây dựng thành công 4-6 mô hình chăn nuôi bò, thỏ theo hệ thống tuần hoàn. - Tổ chức tập huấn cho hơn 200 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%. - Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</p>	2.000	1.500
2.3	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>					<b>8.500</b>	<b>7.500</b>
2.3.1	<p>Phát triển nuôi trồng thủy sản kinh tế tuần hoàn, hướng hữu cơ/ hữu cơ... theo chuỗi giá trị</p>	<p>- Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ phát triển bền vững theo chuỗi giá trị. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cân bằng hệ sinh thái, sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm. Giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích nuôi.</p>	80-100ha	<p>Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng kinh tế tuần hoàn, hữu cơ. - Mô hình nuôi giun – lúa – cá; tôm – giun – lúa; các đối tượng nội đồng – giun – lúa. - Mô hình rươi – lúa; tôm càng xanh – lúa; cá – lúa; các đối tượng nội đồng – lúa; tôm sú – cua xanh- cá dôi/cá nâu; tôm rảo – cua xanh; tôm rảo/tôm sú – cá nâu/cá dôi/cá bóng bớp;...theo hướng hữu cơ/hữu cơ.</p>	<p>Xây dựng thành công 10-15 mô hình. - Tập huấn hơn 3.000 lượt người dân về mô hình kinh tế tuần hoàn, hữu cơ. - Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước. - Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình <math>\geq 15\%</math>.</p>	3.000	2.500

				- Mô hình nuôi xen ghép các loài giáp xác; nhuyễn thể; cá...			
2.3.2	Phát triển nuôi trồng thủy sản theo thực hành tốt VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Áp dụng quy trình thực hành tốt VietGAP nuôi trồng thủy sản nhằm an toàn dịch bệnh, an toàn môi trường và an sinh xã hội. Nâng cao năng suất hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích nuôi.	15-25ha	Phát triển nuôi trồng thủy sản theo thực hành tốt VietGAP: - Mô hình nuôi trồng thủy sản các đối tượng nước mặn (các loài giáp xác, nhuyễn thể, các loài cá..) theo VietGAP. - Mô hình nuôi trồng thủy sản các đối tượng nước lợ (các loài giáp xác, các loài cá..) theo VietGAP. - Mô hình nuôi trồng thủy sản các đối tượng nước ngọt (tôm, cá, các loài đặc sản, các loài nội đồng...) theo VietGAP.	Xây dựng thành công 15-20 mô hình. - Tập huấn hơn 2.000 lượt người dân về mô hình theo thực hành tốt VietGAP. - Nhân rộng trên 100 ha mặt nước. - Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình $\geq 15\%$ .	3.500	3.000
2.3.3	Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch sinh thái.	Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm nhằm bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên.	10-20ha	Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch sinh thái. - Mô hình bảo tồn và tái tạo nguồn lợi thủy sản trong hệ sinh thái rừng	Xây dựng thành công hơn 5-10 mô hình. - Tập huấn hơn 1.500 lượt người dân. - Nhân rộng trên 100 ha mặt nước.	2.000	2.000

				<p>ngập mặn/ chắn sóng gần với du lịch sinh thái.</p> <p>- Mô hình nuôi các loài cá cảnh gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm.</p> <p>- Mô hình nuôi xen ghép các loài giáp xác; nhuyễn thể; cá...trong rừng ngập mặn ven biển.</p>	<p>- Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình <math>\geq 20\%</math>.</p>		
3	<p><b>Ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi và phát triển rừng...trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản.</b></p>					9.000	7.900
3.1	<p><b>Lĩnh vực Trồng trọt</b></p>					1.500	1.300
3.1.1	<p>Xây dựng và phát triển mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, giống tiến bộ kỹ thuật, giống mới, giống thích ứng với biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống chịu mặn vào sản</p>	<p>- Xây dựng các vùng sản xuất lúa, rau màu thích ứng với biến đổi khí hậu (kháng bệnh, chịu mặn, ...) tại một số vùng trọng yếu của thành phố để tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung nhằm tạo bước đột phá về phương thức và kỹ thuật trong sản xuất.</p> <p>- Nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, chuyển dịch cơ cấu cây trồng tạo ra những sản phẩm chất lượng có giá trị kinh tế cao.</p>	100-150ha	<p>- Xây dựng thành công 5 mô hình sản xuất lúa, rau màu thích ứng với biến đổi khí hậu (kháng bệnh, chịu mặn, ...) tại một số vùng trọng yếu của thành phố.</p> <p>- Xây dựng các mô hình sản xuất lúa, rau màu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (giống chất lượng, phân bón, cơ giới hóa đồng bộ...) theo quy trình VietGAP, hữu cơ gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm, truy</p>	<p>- Xây dựng thành công mô hình cây trồng ứng phó với biến đổi khí hậu, bổ sung bộ giống lúa, rau màu chịu mặn và thích ứng với biến đổi khí hậu riêng của Hải Phòng.</p> <p>- Liên kết, ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị trong và ngoài thành phố.</p> <p>- Tập huấn trên 300 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới.</p>	1.500	1.300

	xuất trình trở tại Hải Phòng.			xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị.	- Xây dựng trên 5 video clip tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ...		
<b>3.2</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>					<b>5.000</b>	<b>4.600</b>
3.2.1	Xây dựng mô hình ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật mới, giống thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hải Phòng	Hình thành và phát triển mô hình ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật mới, giống thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hải Phòng	5-10 mô hình giống mới; 05-10 mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới; 05-10 mô hình giống thích ứng với biến đổi khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình ứng dụng giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật để bổ sung giống vật nuôi trên địa bàn thành phố</li> <li>- Xây dựng mô hình ứng dụng chăn nuôi áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất chăn nuôi trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Xây dựng mô hình ứng dụng chăn nuôi giống thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hải Phòng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 5-7 mô hình giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật; áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới; giống thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Tổ chức tập huấn cho hơn 500 người tiếp cận kỹ thuật.</li> <li>- Hiệu quả tăng 15-20%.</li> <li>- Khả năng nhân rộng mô hình &gt;15%.</li> </ul>	2.500	2.300
3.2.2	Xây dựng và phát triển chăn nuôi một số giống vật nuôi bản địa trên cả nước tại Hải Phòng	Hình thành và phát triển chăn nuôi một số giống vật nuôi bản địa trên cả nước tại Hải Phòng, làm phong phú đàn giống vật nuôi trên địa bàn thành phố vào tạo một số sản phẩm đặc sản.	06-10 mô hình giống bản địa	Xây dựng mô hình chăn nuôi một số giống vật nuôi bản địa trên cả nước tại Hải Phòng như: lợn hương, lợn pa vân, vịt minh hương, lợn mường khương, lợn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng thành công 6-8 mô hình giống bản địa trên địa bàn thành phố.</li> <li>- Tổ chức tập huấn cho hơn 200 người tiếp cận kỹ thuật.</li> <li>- Hiệu quả tăng 15-20%.</li> </ul>	2.500	2.300



				sóc, gà H'mông, lợn mường lay...	- Khả năng nhân rộng mô hình >15%.		
<b>3.3</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>					<b>2.500</b>	<b>2.000</b>
3.2.1	Ứng dụng giống mới, giống tiên bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi phát triển nuôi trồng thủy sản	Đưa giống mới, giống tiên bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi vào phát triển nuôi trồng thủy sản nhằm bảo vệ môi trường, giảm dịch bệnh, nâng cao tỷ lệ sống, năng suất và hiệu quả kinh tế.	5-10ha	Xây dựng mô hình giống tiên bộ kỹ thuật, giống thích ứng biến đổi khí hậu, giống kháng bệnh, giống bản địa, giống phục hồi các loài giáp xác, nhuyễn thể, đặc sản, các loài cá...nước mặn, lợ, ngọt tại Hải Phòng	Xây dựng thành công hơn 5-10 mô hình.  - Tập huấn hơn 1.000 lượt người dân.  - Nhân rộng trên 100 ha mặt nước.  - Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình $\geq 20\%$ .	2.500	2.000
<b>4</b>	<b>Áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi xây dựng các mô hình sinh kế, thích ứng thích ứng biến đổi khí hậu</b>					<b>9.900</b>	<b>7.500</b>
<b>4.1</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>					<b>2.400</b>	<b>1.800</b>
4.1.1	Xây dựng và phát triển mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất hoa,	- Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa hiệu quả thấp sang trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn. - Điểm trình diễn mô hình sẽ là nơi thăm quan, học tập cho nông dân trên địa bàn thành	50-70 ha	Xây dựng các mô hình chuyển đổi các cây trồng kém hiệu quả sang trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (giống, phân bón, chế phẩm, phương thức sản	- Xây dựng thành công 3-7 mô hình chuyển đổi cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất hóa, cây cảnh, cây ăn quả.  - Hiệu quả kinh tế tăng từ 80- 100% so với sản xuất lúa.	2.400	1.800

	cây cảnh, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2025 - 2030.	phổ để nhân rộng, phát triển các mô hình.		xuất, ...) nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả.	- Nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người nông dân, góp phần nâng cao giá trị sản xuất đảm bảo vệ sinh môi trường.		
<b>4.2</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>					<b>4.500</b>	<b>3.700</b>
4.2.1	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố	Hình thành và phát triển mô hình chăn nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố nhằm bổ sung thêm một số giống động vật hoang dã được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố	6-10 mô hình	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi động vật hoang dã (cây, dúi, lợn rừng, chồn, hươu, nai, nhím, don...) trên địa bàn thành phố	- Xây dựng thành công 6 -10 mô hình chăn nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố. - Tổ chức tập huấn cho hơn 400 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%. - Khả năng nhân rộng mô hình >15%.	1.500	1300
4.2.2	Xây dựng và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh, giảm thiểu tác động đến môi trường	Hình thành và phát triển mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh, giảm thiểu tác động đến môi trường nhằm giảm tác động của dịch bệnh đến chăn nuôi tăng hiệu quả chăn nuôi	06-10 mô hình	Xây dựng 6 mô hình chăn nuôi lợn, mô hình chăn nuôi gà, mô hình chăn nuôi vịt an toàn dịch bệnh, giảm thiểu tác động đến môi trường	- Xây dựng 6-10 mô hình chăn nuôi lợn, mô hình chăn nuôi gà, mô hình chăn nuôi vịt. - Tổ chức tập huấn cho hơn 250 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%	1500	1200

					- Khả năng nhân rộng mô hình >15%.		
4.2.3	Xây dựng mô hình trồng cỏ chất lượng cao và chế biến làm thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi trâu, bò, dê, thỏ	Hình thành mô hình trồng cỏ chất lượng cao và chế biến làm thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi trâu, bò, dê, thỏ tạo vùng nguyên liệu chủ động cho chăn nuôi quy mô tập trung	3- 5mô hình	Xây mô hình trồng cỏ chất lượng cao và chế biến làm thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi trâu, bò, dê, thỏ tạo vùng nguyên liệu chủ động cho chăn nuôi quy mô tập trung	- Xây thành công 3-5 mô hình trồng cỏ chất lượng cao và chế biến làm thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi trâu, bò, dê, thỏ - Tổ chức tập huấn cho hơn 250 người tiếp cận kỹ thuật. - Hiệu quả tăng 15-20%. - Khả năng nhân rộng mô hình >15%.	1500	1200
<b>4.3</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>					<b>3.000</b>	<b>2.000</b>
4.3.1	Xây mô hình sinh kế, thích ứng thích ứng biến đổi khí hậu	Xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng tài nguyên nước hợp lý theo mùa, thích nghi với điều kiện tự nhiên, tạo sản phẩm an toàn. Phù hợp với điều kiện canh tác, nâng cao thu nhập, sinh kế cho người dân	20-30ha	Xây dựng các mô hình nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu: - Mô hình nuôi quảng canh cải tiến các loài giáp xác, nhuyễn thể, đặc sản, các loài cá... - Mô hình nuôi xen canh các loài giáp xác, nhuyễn thể/ cá/ lúa...	Xây dựng thành công 5-10 mô hình. - Tập huấn hơn 2.000 lượt người dân. - Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước. - Hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình $\geq 20\%$	3.000	2.000

				- Mô hình nuôi luân canh các loài giáp xác, nhuyễn thể/ cá/ lúa...				
<b>Tổng cộng</b>							<b>100.000</b>	<b>74.550</b>

